

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2026/DSST

Ngày: 30-3-2026

“V/v Tranh chấp kiện đòi nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Ông Võ Văn Liềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2026/TLST-DS ngày 23/01/2026 về việc “Tranh chấp kiện đòi nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H - sinh năm 1947 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh A.

2. Bị đơn: Bà Khuru Hồng S - sinh năm 1983 (có mặt) và ông Phạm Tiên P - sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Nguyên trước đây bà Khuru Hồng S đến mời gọi tôi tham gia chơi hụi do bà làm chủ. Lúc này vì nghĩ vợ chồng bà S, ông P là chỗ xóm giềng, ăn nói cũng rõ ràng nên tôi tin tưởng và tham gia chơi hụi do vợ chồng bà S, ông P làm chủ 01 dây, 01 chân gồm:

Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng), áp vào ngày 15/05/2023 (âm lịch), một tháng xỏ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, có 18 hội viên tham gia, trong đó tôi tham gia 01 chân đều lấy tên là 7 Xụi. Dây hụi này tôi nuôi không hốt và đóng hụi sống đầy đủ cho vợ chồng bà S, ông P. Nhưng đến xỏ và gom tiền xong

lần thứ 16 thì vợ chồng bà S, ông P tuyên bố bế hội, ngưng không xỏ nữa. Nên tôi đã đóng 16 lần hội sống 01 chân cho vợ chồng bà S, ông P với số tiền là 1.000.000 đồng x 01 chân x 16 lần bằng tổng số tiền là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) là tính hội chết nhưng thực tế tôi đóng bao nhiêu không nhớ do già, nay bà S, ông P xác định còn thiếu là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) thì tôi cũng đồng ý.

Sau đó, mặc dù đã rất nhiều lần tôi yêu cầu vợ chồng bà S, ông P phải hoàn trả lại số tiền hội cho tôi nhưng vợ chồng bà S, ông P đã không có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền hội cho tôi, mà lại có tiền xây nhà để ở.

Xét thấy tôi đã không còn có thể tự giải quyết được với vợ chồng bà S, ông P nữa vì vợ chồng bà S, ông P đã không có trách nhiệm trong việc hoàn trả lại tiền hội cho tôi.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ là bà Khuru Thị S và ông Phạm Tiễn P phải hoàn trả lại số tiền hội cho tôi tổng số tiền là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) và trả một lần hết nợ còn ông P và bà S xin trả dần mỗi vụ lúa 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ thì tôi không đồng ý mà yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2026 và tại phiên tòa bị đơn bà Khuru Hồng S trình bày: Tôi xác định là tôi có làm chủ hội như bà H trình bày là đúng nên cụ thể như sau:

Dây hội 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng), áp vào ngày 15/05/2023 (âm lịch), một tháng xỏ 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, có 18 hội viên tham gia, trong đó bà H tham gia 01 chân đều lấy tên là 7 Xụi. Dây hội này bà H chưa hốt và bà H đóng hội sống đầy đủ cho tôi nhưng đến xỏ và gom tiền xong lần thứ 16 (là ngày 15/8/2024) thì tôi không còn khả năng số hội nữa nên tuyên bố bế hội, ngưng không xỏ nữa. Nên bà H đã đóng được 16 lần hội sống của 01 chân hội. Sau đó, tôi và bà H chót hội nên tôi còn thiếu bà H1 là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Nay, bà Võ Thị H khởi kiện tôi thì tôi xác định hiện nay tôi còn thiếu bà H số tiền hội là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Đồng thời, tôi xin trả dần mỗi vụ lúa là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ còn bà H yêu cầu tôi trả 01 lần hết nợ thì tôi không có khả năng nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2026 và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Tiễn P trình bày: Tôi xác định vợ tôi làm chủ hội thì tôi biết nhưng vợ tôi áp bao nhiêu dây hội và mỗi dây bao nhiêu tiền, bao nhiêu hội viên thì tôi không biết.

Nay bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi cùng trả cho bà số tiền hội còn thiếu là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) thì tôi cũng đồng ý cùng vợ tôi trả cho bà H nhưng vợ chồng tôi xin trả dần mỗi vụ lúa là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ còn bà H yêu cầu vợ chồng tôi trả 01 lần hết

nợ thì vợ chồng tôi không có khả năng nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P trả số tiền hui còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp kiện đòi nợ hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Các đương sự thừa nhận bà Khuru Hồng S có làm chủ hui và bà Võ Thị H có chơi hui là đúng sự thật. Xét về thỏa thuận chơi hui trên là một giao dịch về tài sản theo tập quán, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên phù hợp, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận, bảo vệ và được tự nguyện thi hành.

Đồng thời, trong quá trình áp hui và chơi hui thì bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P thừa nhận hiện nay ông bà còn thiếu bà Võ Thị H số tiền hui mà bà H đã đóng là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) từ khi ngưng không xỏ hui là ngày 15/8/2024 đến nay mà bà S, ông P không trả được nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, buộc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P phải chịu trách nhiệm trả số tiền nợ hui còn thiếu cho bà Võ Thị H là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về việc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P xin trả dần số tiền trên cho bà H mỗi vụ lúa tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của ông P và bà S không được bà H chấp nhận nên HĐXX không căn cứ xem xét yêu cầu này của ông P và bà S.

[4] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H đối với bị đơn bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P. Do đó, buộc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P phải trả cho bà Võ Thị H số tiền là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí DSST có giá ngạch là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu bà Võ Thị H được chấp nhận nên bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 12.080.000đ x 5% = 604.000 đồng (sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Bà Võ Thị H thuộc diện người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Võ Thị H đã được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 471 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P.

Buộc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P phải trả cho bà Võ Thị H số tiền là 12.080.000 đồng (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch là: 604.000 đồng (sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng) buộc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P phải nộp.

Bà Võ Thị H thuộc diện người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Võ Thị H đã được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30/3/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh